

Số: 222 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 11 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn;
hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn
tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI:

CV ĐẾN	Số:.....A.0.44.18.....
	Ngày: 15.11.17.....
	Chức:.....

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015; Công văn số 1675-CV/TU ngày 20/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh tên gọi chính sách hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ quý, cây trồng mới có giá trị kinh tế cao; ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 207/HĐND-DT ngày 01/6/2017 về việc xây dựng nghị quyết về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 325/HĐND-DT ngày 26/9/2017 về việc chuyển thời gian trình chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ khoản 3 và khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng

bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-NHNN ngày 15/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

2. Cơ sở thực tiễn

- Trong những năm gần đây, diện tích và sản lượng gỗ rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh đã tăng lên đáng kể, nhưng chủ yếu là gỗ nhỏ làm nguyên liệu giấy, ván dăm có giá trị kinh tế không cao (năm 2015, khai thác cung cấp gỗ cho chế biến đạt 3,5 triệu tấn; năm 2016 đạt 4,2 triệu tấn nhưng chủ yếu là sản xuất nguyên liệu giấy và ván dăm). Chưa có các chính sách đặc thù để có thể khuyến khích phát triển rừng trồng gỗ lớn phục vụ cho sản xuất đồ mộc, gỗ chế biến xuất khẩu có giá trị kinh tế cao.

- Giá trị kinh tế của các loài cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm luôn ở mức cao (gỗ bán không tính bằng m³ mà tính bằng kilogam với giá bán tính bằng triệu đồng) đã tạo áp lực rất lớn trong công tác quản lý, bảo vệ các loài này trong tự nhiên. Tình trạng lén lút khai thác gỗ nguy cấp, quý hiếm thời gian qua trên địa bàn tỉnh có nguy cơ cạn kiệt, tuyệt chủng các loài cây gỗ nguy cấp, quý hiếm; vì thế cần có chính sách kịp thời động viên, khuyến khích người dân tham gia trồng và bảo vệ nhằm khôi phục và giữ lại nguồn gen quý hiếm trong tự nhiên.

- Một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của nhà nước về chính sách hỗ trợ, chưa có sự quan tâm đến đối tượng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trong tự nhiên mà chỉ dừng lại ở đối tượng trồng rừng sản xuất gỗ lớn như: Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn liền với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020; Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;... mức hỗ trợ tại các chính sách trên khác nhau; phạm vi, đối tượng tham gia hạn chế nên chưa khuyến khích được các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn tham gia thực hiện trồng rừng gỗ lớn; trồng các loài cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm.

- Tập quán trồng rừng hiện nay, người dân thường trồng Keo từ 3 - 5 năm, Bạch đàn từ 4 - 7 năm rồi tiến hành khai thác toàn bộ, sau đó trồng lại với chu kỳ tương tự để nhanh quay vòng vốn, hạn chế rủi ro. Tình trạng này dẫn đến thiếu nghiêm trọng nguyên liệu gỗ lớn phục vụ cho các cơ sở chế biến gỗ dân dụng, gỗ xuất khẩu chế biến sâu và độ che phủ rừng không ổn định do thời gian rừng trồng sản xuất tham gia tính độ che phủ ngắn; việc mở đường vào rừng sản xuất phục vụ cho việc vận chuyển gỗ có tác động rất lớn

đến môi trường bền vững của địa phương.

- Chu kỳ trồng rừng gỗ lớn dài hơn gỗ nhỏ (tối thiểu là 10 năm đối với các loài cây mọc nhanh), chi phí đầu tư lớn hơn, dễ gặp rủi ro do gió bão vào mùa mưa, cháy rừng vào mùa khô. Việc tiếp cận và vay vốn từ các Ngân hàng thương mại với điều kiện vay, thủ tục vay khó khăn (phải có tài sản thế chấp), thời gian cho vay ngắn, nên các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn gặp khó khăn nguồn vốn (nếu được vay vốn, Ngân hàng cũng chỉ cho vay tối đa khoảng 50% giá trị đầu tư, với lãi suất thương mại cao nên sau khi trừ chi phí, lợi nhuận thu được không cao).

- Một số địa phương trong tỉnh đã ban hành Nghị quyết chuyên đề và bố trí kinh phí để phát triển trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn như: Sơn Hà, Ba Tơ để phát triển lâm nghiệp bền vững tại địa phương.

3. Cơ sở lý luận (quan điểm xây dựng chính sách)

- Việc xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020 nhằm tổ chức thực hiện các chỉ đạo của Trung ương, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững của tỉnh; cụ thể:

+ Thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

+ Thúc đẩy thực hiện việc phát triển rừng, nâng cao chất lượng và giá trị rừng; kéo dài chu kỳ rừng trồng tham gia trong việc tính độ che phủ, đảm bảo đạt chỉ tiêu độ che phủ rừng ổn định 52% vào năm 2020;

+ Góp phần thực hiện thành công Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; thúc đẩy và góp phần thực hiện thành công mục tiêu đã được phê duyệt tại Quy hoạch vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn (UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 về việc phê duyệt Quy hoạch vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030) và Quy hoạch chế biến gỗ gắn với vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh (UBND tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch chế biến gỗ gắn với vùng nguyên liệu tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm

2030).

+ Phù hợp với tiêu chí về diện tích cây xanh/đầu người trong quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa đô thị.

- Nâng cao hiệu quả kinh tế của rừng trồng, hướng rừng trồng đạt các tiêu chí, chỉ số về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng theo các tiêu chuẩn quốc tế và châu Âu như FSC, PEFC...

(Lợi nhuận bình quân đối với cây mọc nhanh khi trồng rừng nguyên liệu gỗ nhỏ 5,2 triệu đồng/ha/năm; 18,2 triệu đồng/ha/năm khi trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; từ 47,4 đến 55,1 triệu đồng/ha/năm khi trồng cây bản địa (phụ thuộc loài cây trồng) - theo số liệu tại Quy hoạch vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030).

- Cơ sở tính toán vốn đầu tư để đề xuất Trung ương bố trí nguồn vốn hỗ trợ (theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP và theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg).

4. Sự cần thiết

Trên cơ sở căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn; việc khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tham gia phát triển vùng trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn, gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh có năng suất, giá trị cao, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao giá trị gia tăng của rừng trồng và tăng thu nhập cho người dân, bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo phát triển sản xuất lâm nghiệp ổn định, bền vững. Việc ban hành **Chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi** là một yêu cầu tất yếu khách quan và cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Mục đích

Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tham gia phát triển rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn; gỗ nguy cấp, quý, hiếm nhằm cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; nâng cao chất lượng rừng và giá trị của rừng trồng, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, tăng thu nhập cho người dân, đảm bảo phát triển sản xuất lâm nghiệp ổn định, bền vững; đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quan điểm chỉ đạo

Ban hành chính sách đảm bảo khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế; tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn kinh phí hỗ trợ thuận lợi để thực hiện đầu tư sản xuất lâm nghiệp bền vững và đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2017-2020 và những năm sau 2020.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi gửi các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý dự thảo nghị quyết; tổng hợp, giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết theo các góp ý và gửi Sở Tư Pháp thẩm định; trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 256/BC-STP ngày 15 tháng 8 năm 2017, cơ quan soạn thảo tiếp thu và hoàn chỉnh Dự thảo nghị quyết.

Thực hiện Công văn số 5339/UBND-NNTN ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh về việc tham gia góp ý, phản biện đối với chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Thông báo số 303/TB-UBND ngày 20/9/2017 và số 346/TB-UBND ngày 01/11/2017 về việc kết luận của đồng chí Đặng Văn Minh – Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại cuộc họp cho ý kiến về chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 6871/UBND-NNTN ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh về việc chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020; cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

1. Bố cục

Bố cục được trình bày theo mẫu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy định (theo mẫu số 17 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật).

2. Nội dung cơ bản

Nội dung cơ bản của dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết gồm có phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; giải thích một số từ ngữ; các điều khoản quy định mức hỗ trợ; hình thức, phương thức thực hiện hỗ trợ và nguồn vốn để thực hiện.

a) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a1) Phạm vi điều chỉnh:

- Hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm theo dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ đầu tư trồng cây phân tán (là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Hỗ trợ rủi ro, hỗ trợ tín dụng khi trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm; chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ

nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn theo dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn được cấp thẩm quyền phê duyệt.

a2) Đối tượng áp dụng:

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (gọi tắt là chủ rừng) tham gia trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn; trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm.

- Ban quản lý rừng phòng hộ trồng cây phân tán theo kế hoạch được giao.

b) Giải thích từ ngữ

- Trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn: Là trồng các loài cây lâm nghiệp để cung cấp nguyên liệu gỗ lớn, khai thác sau 10 năm tuổi đối với cây mọc nhanh, sau 25 năm tuổi đối với cây bản địa và cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm.

- Chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn: Là việc tác động các biện pháp kỹ thuật lâm sinh vào rừng trồng như: Chăm sóc, tỉa thưa điều chỉnh mật độ, kéo dài thời gian nuôi dưỡng rừng đối với cây mọc nhanh để cung cấp nguyên liệu gỗ lớn.

- Cây mọc nhanh: Là các loài cây sinh trưởng nhanh, được trồng rừng sản xuất chủ yếu trên địa bàn tỉnh như các loài keo, xoan, bạch đàn.

- Cây bản địa: Là các loài cây sinh trưởng chậm, được gây trồng chủ yếu trên địa bàn tỉnh như sao đen, sao xanh, dầu rái, huỳnh, lát hoa, trám trắng, trám hồng.

- Cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm: Là các loài cây thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm hoặc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Trồng cây phân tán: Là trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên ranh giới lô, cây cảnh quan ven đường giao thông, bờ kênh, trường học, cơ quan, bệnh xá, vườn nhà trên các diện tích tập trung dưới 0,5 ha hoặc dải rừng hẹp dưới 20 mét.

- Hỗ trợ đầu tư: Là hỗ trợ một phần vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các chủ rừng theo quy định tại nghị quyết này.

- Hỗ trợ sau đầu tư: Là hình thức hỗ trợ mà chủ rừng đã tự đầu tư trồng cây phân tán; sau đó nhà nước nghiệm thu kết quả và sẽ thanh toán cho chủ rừng phần vốn hỗ trợ từ ngân sách theo quy định tại nghị quyết này.

- Hỗ trợ trước đầu tư: Thực hiện đối với trồng cây phân tán, là hình thức hỗ trợ để chuẩn bị cây giống trồng phân tán theo kế hoạch hàng năm.

- Thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng: Là thiệt hại gây ra do ảnh

hường của các loại hình thiên tai bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

c) Các cụm từ viết tắt

- Nghị định 75/2015/NĐ-CP: Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

- Quyết định 38/2016/QĐ-TTg: Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

- Nghị định 02/2017/NĐ-CP: Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

- Thông tư 27/2015/TT-NHNN: Thông tư số 27/2015/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Hướng dẫn thực hiện cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020.

d) Quy định cụ thể các chính sách

d1) Hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm; hỗ trợ trồng cây phân tán

d1.1) Điều kiện nhận hỗ trợ

- Có cam kết trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn.
- Mỗi đơn vị diện tích chỉ hỗ trợ một lần.
- Cây giống trồng rừng, trồng cây phân tán được kiểm soát về chất lượng theo quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp hiện hành.

d1.2) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha khi trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn là cây mọc nhanh

+ Lý do đề xuất mức hỗ trợ là 10.000.000 đồng/ha: Bằng mức hỗ trợ theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP; UBND tỉnh Quảng Ngãi đã cụ thể hóa tại Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 25/9/2017.

+ Ngân sách tỉnh không hỗ trợ cho các đối tượng đã hưởng chính sách theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP; hỗ trợ bổ sung 2.000.000 đồng/ha ngoài mức hỗ trợ cho các đối tượng đã được hưởng chính sách theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg (theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg: Ngân sách Trung ương

hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha).

- Hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha khi trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn là các loài cây bản địa

+ Lý do đề xuất mức hỗ trợ là 15.000.000 đồng/ha: Theo dự toán chi phí trồng rừng 01 chu kỳ tại Quy hoạch vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn đã phê duyệt tại Quyết định Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 19/8/2016, dự toán đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với loài cây bản địa (khoảng 121 triệu đồng/ha) nhiều hơn 1,5 lần trồng cây mọc nhanh (khoảng 74 triệu đồng/ha); vì vậy đề xuất mức hỗ trợ trồng rừng là cây bản địa bằng 1,5 lần mức hỗ trợ đối với cây mọc nhanh.

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung 5.000.000 đồng/ha ngoài mức hỗ trợ cho các đối tượng đã được hưởng chính sách theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP; 7.000.000 đồng/ha ngoài mức hỗ trợ cho các đối tượng đã được hưởng chính sách theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg.

- Hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha để khuyến khích trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm

+ Lý do đề xuất mức hỗ trợ là 20.000.000 đồng/ha: Để khuyến khích trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm nên đề xuất hỗ trợ nhiều hơn 5 triệu đồng/ha so với trồng cây bản địa.

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung 10.000.000 đồng/ha ngoài mức hỗ trợ cho các đối tượng đã được hưởng chính sách theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP; 12.000.000 đồng/ha ngoài mức hỗ trợ cho các đối tượng đã được hưởng chính sách theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg.

- Hỗ trợ 40.000 đồng/cây để khuyến khích trồng cây phân tán là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm. Chỉ hỗ trợ cho các Ban quản lý rừng phòng hộ trồng theo quy hoạch và kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hỗ trợ việc nhân giống cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ này.

+ Lý do đề xuất mức hỗ trợ là 40.000 đồng/cây: Dự kiến quy đổi 500 cây phân tán là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm tương đương 01 ha (bằng mật độ quy định hỗ trợ trồng cây lim xanh theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành định mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ tại các huyện nghèo của tỉnh Quảng Ngãi); khi đó số tiền hỗ trợ tương ứng là 20 triệu đồng/ha.

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ

d.2) Hỗ trợ chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn

d2.1) Điều kiện nhận hỗ trợ

- Có cam kết chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn.

- Mỗi đơn vị diện tích chỉ hỗ trợ một lần.

- Cây giống trồng rừng, trồng cây phân tán được kiểm soát về chất lượng theo quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp hiện hành.

d2.2) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha để thực hiện các biện pháp kỹ thuật chuyển hóa.

- Hỗ trợ 300.000 đồng/ha/năm để quản lý bảo vệ, kể từ thời điểm thực hiện chuyển hóa, thời gian hỗ trợ không quá 7 năm.

Lý do đề xuất mức hỗ trợ: Chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn thực hiện đối với cây mọc nhanh, vì vậy đề xuất mức hỗ trợ bằng 70% so với mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng rừng nguyên liệu gỗ lớn là cây mọc nhanh; thời gian hỗ trợ quản lý bảo vệ không quá 7 năm, lý do là thời điểm thực hiện biện pháp kỹ thuật chuyển hóa khi rừng trồng đã khép tán (từ đủ 3 năm tuổi), như vậy rừng trồng sẽ đảm bảo về mặt thời gian (10 năm) để cung cấp gỗ lớn.

d2.3) Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ: Ngân sách tỉnh.

d3) Hỗ trợ rủi ro khi trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm; chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn

d3.1) Điều kiện nhận hỗ trợ

- Thiệt hại diện tích cây rừng từ 30% trở lên do các nguyên nhân bất khả kháng đối với rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn; rừng trồng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm; rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ chuyển hóa sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn.

- Đơn đề nghị hỗ trợ của chủ rừng có diện tích rừng trồng bị thiệt hại.

- Biên bản xác minh hiện trường có xác nhận của tất cả các thành viên đoàn kiểm tra (thành phần đoàn kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP).

d3.2) Mức hỗ trợ

d3.2.1) Hỗ trợ 50% giá trị thiệt hại của phần diện tích thiệt hại mà chủ rừng đã tự đầu tư đối với rừng trồng chưa có trữ lượng (dưới 3 năm tuổi đối với cây mọc nhanh; dưới 5 năm tuổi đối với cây bản địa, cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm).

d3.2.2) Hỗ trợ 30% giá trị thiệt hại của phần diện tích thiệt hại mà chủ rừng đã tự đầu tư đối với rừng trồng đã có trữ lượng (từ đủ 3 năm tuổi đối với cây mọc nhanh; 5 năm tuổi đối với cây bản địa và cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm).

Lý do đề xuất mức hỗ trợ:

+ Khi rừng trồng chưa có trữ lượng, nếu thiệt hại xảy ra, chủ rừng sẽ phải tái đầu tư trồng lại rừng trên phần diện tích thiệt hại mà không thể tận dụng được giá trị lâm sản thiệt hại.

+ Khi rừng trồng đã có trữ lượng, nếu thiệt hại xảy ra, chủ rừng có thể

tận dụng được giá trị lâm sản bị ngã, đổ gãy . . . trước khi tái đầu tư trồng lại rừng trên phần diện tích thiệt hại.

+ Khi dự thảo gửi lấy ý kiến, một số ý kiến đề xuất nâng mức hỗ trợ tương ứng là 70% và 50%; tuy nhiên đa số ý kiến thống nhất mức dự thảo 50% và 30%.

d3.2.3) Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ (ngoài mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh).

d.4) Hỗ trợ tín dụng khi trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm; chuyên hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn

d4.1) Nguyên tắc cho vay

Thực hiện theo Điều 3 Thông tư 27/2015/TT-NHNN.

d4.2) Hạn mức và thời hạn vay

+ Hạn mức vay được hỗ trợ lãi suất: Tối đa là 15.000.000 đồng/ha.

+ Thời hạn hỗ trợ lãi vay: Từ khi trồng đến khi khai thác chính theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng nhưng không quá 20 năm.

d4.3 Lãi suất và hỗ trợ lãi suất vay

- Lãi suất vay: Chủ rừng được vay với mức lãi suất là 1,2%/năm;

- Hỗ trợ lãi suất vay: Ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất ngân hàng cho các đối tượng vay vốn không được ngân sách Trung ương hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP

d4.4) Cơ cấu lại nợ và xử lý rủi ro

Thực hiện theo Điều 7 Thông tư 27/2015/TT-NHNN.

đ) Trách nhiệm của chủ rừng

đ1) Chỉ được khai thác sau 10 năm tuổi đối với cây mọc nhanh, sau 25 năm tuổi đối với cây bản địa và cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm.

đ2) Khi khai thác sản phẩm rừng trồng, chủ rừng phải nộp cho Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của xã và Quỹ bảo vệ phát triển rừng thôn, bản, số tiền tương đương với 80 kg thóc/ha, trong đó trích nộp cho mỗi quỹ là 50%.

đ3) Sau khi khai thác rừng trồng, trong vòng 12 tháng, chủ rừng phải tự tổ chức trồng lại rừng theo quy định.

đ4) Chủ rừng đã nhận tiền hỗ trợ của Nhà nước để trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn, chuyên hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn, trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm, nếu khai thác trước thời gian quy định tại khoản 1 Điều này hoặc nếu sau 5 năm mà rừng không đạt tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước thì chủ rừng phải tự bỏ vốn để trồng lại rừng hoặc phải hoàn trả lại cho ngân sách Nhà nước số tiền đã nhận hỗ trợ cộng với lãi suất thương mại tại thời điểm thu hồi.

Trường hợp rừng không đạt tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước hoặc mất rừng do nguyên nhân bất khả kháng thì chủ rừng không phải hoàn trả số tiền đã nhận hỗ trợ.

e) Khái toán kinh phí thực hiện hỗ trợ giai đoạn 2018-2020

Tổng khái toán kinh phí 20.522,266 triệu đồng; gồm:

e1) Ngân sách Trung ương: 5.068,006 triệu đồng, cụ thể:

- Theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ 3.954,406 triệu đồng, trong đó: Kinh phí hỗ trợ đầu tư trồng rừng: 1.982,7 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ lãi vay: 1.971,706 triệu đồng.

- Theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ 1.113,6 triệu đồng để hỗ trợ đầu tư trồng rừng.

e2) Ngân sách địa phương: 15.454,260 triệu đồng

- Kinh phí hỗ trợ đầu tư trồng rừng: 1.988,268 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

- Kinh phí hỗ trợ trồng cây phân tán: 4.200,0 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

- Kinh phí dự phòng hỗ trợ rủi ro: 6.000,0 triệu đồng (vốn sự nghiệp kinh tế).

- Kinh phí hỗ trợ lãi vay: 3.265,992 triệu đồng (vốn tín dụng).

g) Tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát

g.1) UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện chính sách; hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện hỗ trợ cho HĐND tỉnh.

g.2) Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện chính sách.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak1106.



Trần Ngọc Căng

Phụ lục

Bảng kế hoạch thực hiện chính sách giai đoạn 2018-2020

(Kèm theo Tờ trình số: ... ngày 13 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: 1.000 đồng

T	T	Huyện	Diện tích (ha)		Ngân sách TW theo QĐ 74/QĐ-TTg			Ngân sách TW theo QĐ 38/QĐ-TTg			Ngân sách tỉnh				
			Chuyên hóa	Trồng rừng	Chuyên hóa	Trồng rừng		Chuyên hóa	Trồng rừng		Chuyên hóa	Trồng rừng			
						cây mọc nhanh	cây bản địa		cây nc, quý, hiếm	cây mọc nhanh		cây bản địa	cây nc, quý, hiếm	cây mọc nhanh	cây bản địa
1	Ba Tơ	30,00	77,27	0	618.160	77.270	77.270				213.000	0	38.635	77.270	
2	Đức Phổ		97,71					0	625.344	78.168	78.168	0	156.336	68.397	117.252
3	Mộ Đức	15,27	11,49					0	73.536	9.192	9.192	108.417	18.384	8.043	13.788
4	Trà Bồng	20,00	0	0	0	0	0					142.000	0	0	0
5	Bình Sơn	64,26	0					0	0	0	0	456.246	0	0	0
6	Sơn Tây		85	0	680.000	85.000	85.000					0	0	42.500	85.000
7	Sơn Hà		36	0	288.000	36.000	36.000					0	0	18.000	36.000
8	Sơn Tịnh	20,00	0					0	0	0	0	142.000	0	0	0
9	Nghĩa Hành		30					0	192.000	24.000	24.000	0	48.000	21.000	36.000
10	Từ Nghĩa	20,00	0					0	0	0	0	142.000	0	0	0
Cộng		169,53	337,5	0	1.586.160	198.270	198.270	0	890.880	111.360	111.360	1.203.663	222.720	196.575	365.310
Cộng kinh phí hỗ trợ đầu tư				1.982.700			1.113.600			1.988.268					
kinh phí hỗ trợ trồng cây phân tán										4.200.000					
kinh phí dự phòng hỗ trợ rủi ro										6.000.000					
Kinh phí hỗ trợ lãi vay				1.971.706						3.265.992					
Tổng cộng				3.954.406			1.113.600			15.454.260					

* Ghi chú: - Trồng cây mọc nhanh chiếm 80% diện tích; trồng cây bản địa 10% diện tích; trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm 10% diện tích
- Trồng cây phân tán bình quân 35.000 cây/năm

Phụ lục

Thông kê kết cấu nguồn vốn hỗ trợ trồng rừng thực hiện chính sách giai đoạn 2018-2020
(Kèm theo Tờ trình số 242/TTr.UBND ngày 13 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Đồng

TT	Huyện	Ngân sách TW theo QĐ 38/QĐ-TTg			Ngân sách TW theo QĐ 38/QĐ-TTg			Ngân sách tỉnh		
		cây mọc nhanh	cây bản địa	cây nc, quý, hiếm	cây mọc nhanh	cây bản địa	cây nc, quý, hiếm	cây mọc nhanh	cây bản địa	cây nc, quý, hiếm
1	Ba Tơ	10.000.000	10.000.000	10.000.000	0	0	0	0	5.000.000	10.000.000
2	Đức Phổ	0	0	0	8.000.000	8.000.000	8.000.000	2.000.000	7.000.000	12.000.000
3	Mộ Đức	0	0	0	8.000.000	8.000.000	8.000.000	2.000.000	7.000.000	12.000.000
4	Trà Bồng	10.000.000	10.000.000	10.000.000	0	0	0	0	5.000.000	10.000.000
5	Bình Sơn	0	0	0	8.000.000	8.000.000	8.000.000	2.000.000	7.000.000	12.000.000
6	Sơn Tây	10.000.000	10.000.000	10.000.000	0	0	0	0	5.000.000	10.000.000
7	Sơn Hà	10.000.000	10.000.000	10.000.000	0	0	0	0	5.000.000	10.000.000
8	Sơn Tịnh	0	0	0	8.000.000	8.000.000	8.000.000	2.000.000	7.000.000	12.000.000
9	Nghĩa Hành	0	0	0	8.000.000	8.000.000	8.000.000	2.000.000	7.000.000	12.000.000
10	Tư Nghĩa	0	0	0	8.000.000	8.000.000	8.000.000	2.000.000	7.000.000	12.000.000

Phụ lục

DIỄN GIẢI CÁCH TÍNH KHAI TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Diện tích tính khai toán theo diện tích Quy hoạch vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn được duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 19/8/2016

1. Về diện tích

TT	Huyện	Diện tích	Chuyển Hóa	Trồng rừng
1	Ba Tơ	107,27	30,00	77,27
2	Đức Phổ	97,71		97,71
3	Mộ Đức	26,76	15,27	11,49
4	Trà Bồng	20,00	20,00	0,00
5	Bình Sơn	64,26	64,26	0,00
6	Sơn Tây	85,00		85,00
7	Sơn Hà	36,00		36,00
8	Sơn Tịnh	20,00	20,00	0,00
9	Nghĩa Hành	30,00		30,00
10	Tư Nghĩa	20,00	20,00	0,00
Tổng cộng		507,00	169,53	337,47

(Đối với trồng rừng: Trồng cây mọc nhanh chiếm 80% diện tích; trồng cây bản địa 10% diện tích; trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm 10% diện tích)

b) Về khai toán vốn:

- Đối với diện tích chuyển hóa: Vốn ngân sách tỉnh, bình quân 7.100.000 đồng/ha (gồm 5.000.000 đồng/ha thực hiện biện pháp kỹ thuật chuyển hóa; bảo vệ 300.000 đồng/ha/năm trong thời gian 7 năm)

- Đối với diện tích trồng rừng:

+ Trồng cây mọc nhanh(10.000.000 đồng/ha): Tại các huyện miền núi, vốn từ ND 75/CP nên NS tỉnh không bổ sung; tại các huyện đồng bằng, ngoài vốn từ QĐ 38/TTg, NS tỉnh bổ sung 2.000.000 đồng/ha.

+ Trồng cây bản địa (15.000.000 đồng/ha): Tại các huyện miền núi, ngoài vốn từ ND 75/CP, NS tỉnh bổ sung 5.000.000 đồng/ha; tại các huyện đồng bằng, ngoài vốn từ QĐ 38/TTg, NS tỉnh bổ sung 7.000.000 đồng/ha.

+ Trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm (20.000.000 đồng/ha): Tại các huyện miền núi, ngoài vốn từ NĐ 75/CP, NS tỉnh bổ sung 10.000.000 đồng/ha; tại các huyện đồng bằng, ngoài vốn từ QĐ 38/TTg, NS tỉnh bổ sung 12.000.000 đồng/ha.

- Kinh phí hỗ trợ trồng cây phân tán: Bình quân trồng 35.000 cây/năm (khoảng 200 cây/xã/năm)

- Kinh phí dự phòng hỗ trợ rủi ro: Tạm tính 10% tổng kinh phí đầu tư theo Quy hoạch vùng nguyên liệu RT gỗ lớn được duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 19/8/2016.

- Kinh phí hỗ trợ lãi vay: Vay bình quân 15.000.000 đồng/ha; lãi vay bình quân 6%/năm; các huyện miền núi NSTW hỗ trợ lãi suất 4,8%/năm (thời gian hỗ trợ 10 năm đối với cây mọc nhanh, 20 năm đối với cây bản địa, cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm); các huyện đồng bằng NS tỉnh hỗ trợ lãi suất 6%/năm.